



Báo cáo cập nhật Vĩ mô

Quý IV 2021

Ngày 07/01/22

Trịnh Viết Hoàng Minh
NVPT – Vĩ mô

Trịnh Viết Hoàng Minh

(+84 28) 3823 4159 - Ext: 352

minhtvh@acbs.com.vn

Chỉ báo vĩ mô Q4/21

GDP	+5,22%
Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	+3,16%
Ngành công nghiệp và xây dựng	+5,61%
Ngành Dịch vụ	+5,42%
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	+6,37%
Khai khoáng	-3,29%
Chế biến, chế tạo	+7,83%
Sản xuất và phân phối điện	+6,33%
Cung cấp nước, xử lý rác thải	+0,24%
Tổng kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	82.189
Tổng kim ngạch nhập khẩu (triệu USD)	83.721
Cán cân thương mại (triệu USD)	(1.533)
FDI giải ngân (triệu USD)	4.040
FDI đăng ký (triệu USD)	5.259
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	-2,83%
CPI	+1,89%
CPI cơ bản	+0,81%

BÁO CÁO CẬP NHẬT VĨ MÔ Q4/2021

Năm 2021 là một năm khó khăn nhất đối với Việt Nam. Đợt bùng phát dịch COVID-19 nặng nhất tấn công Việt Nam vào giữa năm 2021 và ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động kinh tế và xã hội của Việt Nam trong Q3/2021. Trong Q3/2021, Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng GDP âm lần đầu tiên kể từ năm 2000. May mắn thay, sau khi chính phủ chuyển sang chiến lược sống-chung-với-COVID-19 vào Q4/2021, Việt Nam đã lấy lại đà tăng trưởng và kết thúc năm 2021 với một mức tăng trưởng GDP dương.

Cụ thể, GDP trong Q4/2021 tăng 5,22% n/n so với Q4/2020, sự hồi phục Q4 đã giúp tăng trưởng GDP cho cả năm 2021 ghi nhận mức tăng 2,58% n/n. Ngoài ra, các yếu tố cơ bản khác của nền kinh tế Việt Nam cũng phục hồi trong Q4/2021, hoạt động công nghiệp đã được khởi động trở lại và dần phục hồi, trong đó IIP ghi nhận mức tăng trưởng dương trong hai tháng liên tiếp (tháng 11 và tháng 12 năm 2021), giúp IIP Q4/2021 tăng hơn 6,37% n/n (sv. -4,95% n/n trong Q3/2021 và +6,31% n/n trong Q4/2020).

Ngoài ra, chỉ số PMI cũng chỉ báo những dấu hiệu hồi phục khi đợt bùng phát dịch COVID-19 đã được kiểm soát và các khu vực công nghiệp lớn ở các tỉnh thành phố phía Nam (tại tỉnh Bình Dương, Đồng Nai và Long An) và khu vực phía Bắc (tại tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh) tiếp tục tái khởi động lại các hoạt động sản xuất sau 3 tháng triển khai chiến lược sống-chung-với-COVID-19 đã giúp các công ty sản xuất vận hành trở lại và cũng tự tin hơn về các triển vọng tăng trưởng trong tương lai.

Vốn FDI giải ngân cũng phục hồi trong Q4/2021 (+3,6% n/n sv. -20,94% n/n trong Q3/2021) chủ yếu nhờ các biện pháp kiểm dịch và giãn cách xã hội được nới lỏng, và chúng tôi vẫn tiếp tục lạc quan về dòng vốn FDI vào Việt Nam sẽ tiếp tục phục hồi trong thời gian tới khi FDI đăng ký vẫn tiếp tục tăng (+15,2% n/n). Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, chỉ số CPI vào thời điểm cuối năm 2021 chỉ tăng 1,84% n/n, ghi nhận mức thấp kỷ lục kể từ năm 2016, và rất thấp so với mục tiêu lạm phát 4% của chính phủ.

Gần đây, biến thể COVID-19 mới – Omicron – dấy lên làn sóng lo ngại trên toàn cầu về đợt bùng phát lớn có thể xảy ra. Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, chúng tôi lo ngại hơn về việc gia tăng các biện pháp giãn cách xã hội và kiểm dịch nghiêm ngặt có thể tác động làm chậm quá trình tái khởi động và phục hồi các hoạt động kinh tế, hơn là làm giảm tốc độ tăng trưởng của các hoạt động kinh tế trong thời gian tới. Cho đến thời điểm hiện tại, Việt Nam chưa ghi nhận trường hợp lây nhiễm cộng đồng nào nào liên quan đến biến thể Omicron và chính phủ đang theo dõi chặt chẽ biến thể Omicron và chuẩn bị các phương án chống dịch hiệu quả đối với biến thể Omicron kết hợp với việc kiểm soát các ca lây nhiễm thuộc các biến thể cũ. Bên cạnh đó, tại thời điểm 03/01/2022, Việt Nam đã cơ bản đạt miễn dịch cộng đồng đối với dịch COVID-19 với hơn 72% dân số tuổi từ 18 trở lên đã được tiêm 2 mũi vắc-xin. Cho nên, theo quan điểm của chúng tôi, biến thể Omicron chưa có khả năng làm chậm quá trình phục hồi các hoạt động kinh tế của chúng ta tại thời điểm hiện tại.

Ngoài ra, Chính phủ vừa trình lên Quốc hội trong kỳ họp Quốc hội bất thường lần thứ nhất của Quốc hội khóa XV vào ngày 04/01/2022 một gói hỗ trợ tài khóa, tiền tệ ước tính khoảng 337 nghìn tỷ đồng (291 nghìn tỷ đồng cho gói hỗ trợ tài khóa và 46 nghìn tỷ đồng cho gói hỗ trợ tiền tệ), để hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội sau dịch COVID-19. Chính phủ mong đợi gói hỗ trợ này sẽ giúp tốc độ tăng trưởng GDP tăng thêm khoảng 2,9% trong năm 2022 và 0,2% trong năm 2023, tạo điều kiện hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân 6,5-7%/năm trong giai đoạn 2021-2025, và giúp bảo đảm ổn định việc làm cũng như giữ tỉ lệ thất nghiệp ở mức ổn định khoảng 2-3%. Với gói hỗ trợ này cùng với những dấu hiệu phục hồi tích cực sau 3 tháng triển khai chiến lược sống-chung-với-COVID-19, chúng tôi kỳ vọng nền kinh tế của Việt Nam sẽ tăng trưởng tốt trong năm 2022.

Việt Nam kết thúc một năm đầy thách thức với tăng trưởng GDP dương

- GDP 2021 tăng 2,58% n/n, với:
 - Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,90% n/n trong 2021 (sv. +2,68% n/n trong 2020);
 - Ngành công nghiệp và xây dựng tăng 4,05% n/n trong 2021 (sv. +3,98% n/n trong 2020); và

- Ngành dịch vụ tăng 1,22% n/n trong 2021 (sv. +2,34% n/n trong 2020).

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) của Việt Nam hồi phục trong Q4/2021

- IIP Q4/2021 tăng 6,37% (sv. +6,31% n/n trong Q4/2020). Nhìn chung, IIP 2021 tăng 4,8% so với cùng kỳ năm 2020 với:
 - IIP các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,0% n/n trong 2021 (sv. +4,9% trong 2020);
 - IIP các ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,9% trong 2021 (sv. +3,1% trong 2020);
 - IIP các ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,7% n/n trong 2021 (sv. +4,3% trong 2020); và
 - IIP các ngành khai khoáng giảm 5,8% n/n trong 2021 (sv. -7,8% trong 2020).

Dòng vốn FDI hồi phục Q4/2021 và dòng vốn FDI dự kiến tiếp tục khả quan trong năm 2022

- Vốn FDI giải ngân trong Q4/2021 đạt 6,5 tỷ USD (+3,9% n/n), và tổng vốn FDI đăng ký trong Q4/2021 giảm nhẹ 4,5% so với cùng kỳ, đạt 5,3 tỷ USD. Vốn góp và mua cổ phần vẫn tăng mạnh 111% n/n, đạt 3,7 tỷ USD
- Nhìn chung, vốn FDI giải ngân trong 2021 đạt 19,7 tỷ USD (-1,2% n/n), và tổng vốn FDI đăng ký trong 2021 tăng 15,4% so với cùng kỳ, đạt 24,3 tỷ USD. Vốn góp và mua cổ phần vẫn giảm 8% n/n, đạt 6,9 tỷ USD.
- Top 3 đối tác đầu tư vốn FDI vào Việt Nam trong 2021 gồm Singapore (7,3 tỷ USD), Nhật Bản (3,7 tỷ USD), và Hàn Quốc (4,4 tỷ USD).
- Top 3 lĩnh vực thu hút FDI gồm lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút hơn 14,6 tỷ USD vốn đăng ký trong 2021, lĩnh vực sản xuất và phân phối điện chiếm 5,6 tỷ USD và lĩnh vực bất động sản chiếm 1,6 tỷ USD.

Tổng kim ngạch XNK của Việt Nam tiếp tục đạt kỷ lục trong năm 2021 và xuất khẩu phục hồi mạnh mẽ trong Q4/2021

- Cụ thể, theo báo cáo của Tổng cục thống kê, tổng kim ngạch XNK trong 2021 đạt 668,5 tỷ USD (+22,6% n/n) với xuất khẩu đạt 336,3 tỷ USD (+19% n/n) trong khi nhập khẩu đạt 332,3 tỷ USD (+26,5% n/n). Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại tổng cộng 4 tỷ USD trong năm 2021.

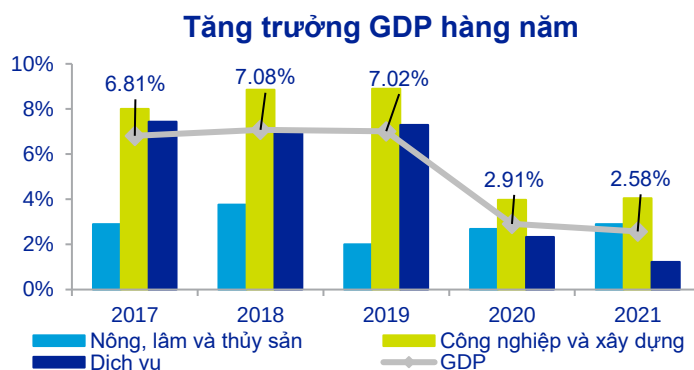
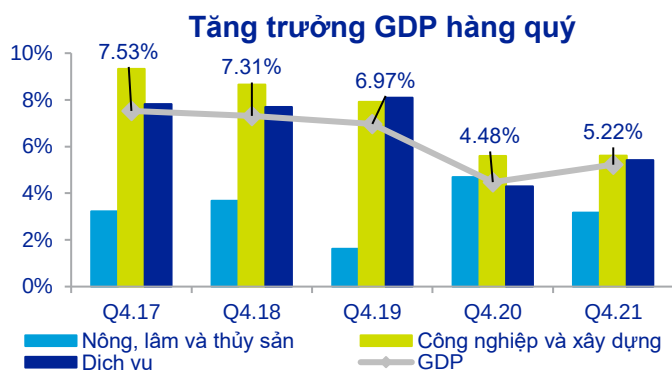
Lạm phát năm 2021 ghi nhận mức thấp kỷ lục kể từ năm 2016, và rất thấp so với mục tiêu lạm phát 4% của chính phủ

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Q4/2021 giảm 0,24% so với quý trước và tăng 1,89% so với cùng kỳ năm 2020.
- Nhìn chung, chỉ số lạm phát cơ bản bình quân 2021 tăng 1,84% so với trung bình cùng kỳ năm ngoài. Ngoài ra, CPI cơ bản trung bình 2021 tăng 0,81% so với cùng kỳ.

GDP

Việt Nam kết thúc một năm đầy thách thức với tăng trưởng GDP dương

Nền kinh tế Việt Nam ghi nhận sự phục hồi trong Q4/2021 với tăng trưởng GDP đạt 5,22% trong Q4/2021 so với Q4/2020 (sv. +4,48% trong Q4/20). Tốc độ tăng trưởng GDP của ngành công nghiệp chế biến chế tạo, động lực tăng trưởng chính GDP, hồi phục và ghi nhận mức tăng 7,96% n/n trong Q4/2021 (sv. +8,63% n/n trong Q4/20). Ngành dịch vụ cũng dần hồi phục và ghi nhận tăng trưởng 5,42% n/n trong Q4/2021 (sv. +4,29% n/n trong Q4/20).

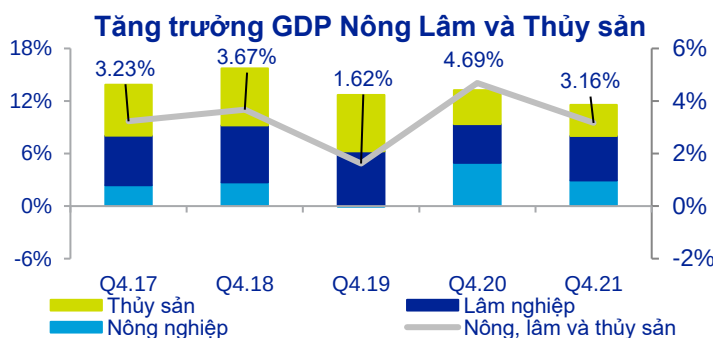


Nguồn: Tổng cục thống kê

Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì tăng trưởng trong Q4/2021, tăng 3,16% trong Q4/2021 chủ yếu nhờ thời tiết tốt và năng suất các loại cây trồng và gia súc gia cầm duy trì tốt. Ngành nông nghiệp ghi nhận mức tăng 2,94% n/n (sv +4,94% trong Q4/20) nhờ thời tiết tốt giúp gia tăng năng suất lúa gạo trong vụ Đông-Xuân và các cây trồng cũng như gia súc gia cầm cho năng suất tốt.

Bên cạnh đó, ngành lâm nghiệp cũng ghi nhận mức tăng 5,07% n/n trong Q4/2021 (sv. +4,40% n/n trong Q4/20), phần lớn do sản xuất xuất gỗ và các sản phẩm từ gỗ tiếp tục hồi phục, tăng 1,2% n/n trong Q4/2021 (sv. -3,2% n/n trong Q4/20).

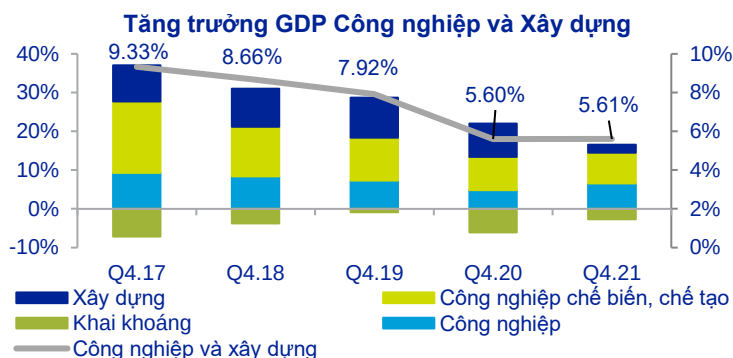
Ngoài ra, ngành thủy sản hồi phục sau khi mở cửa nền kinh tế và nới lỏng các biện pháp giãn cách xã hội, ghi nhận tăng trưởng 3,53% n/n trong Q4/2021 chủ yếu nhờ sự hồi phục xuất khẩu thủy hải sản (+13,1% n/n trong Q4/21 sv. -12,7% n/n trong Q3/21) và chuỗi cung ứng & kênh phân phối vận hành bình thường trở lại.



	Q4/2021	Q4/2020	Q4/2019
Nông, lâm và thủy sản	3,16%	4,69%	1,62%
Nông nghiệp	2,94%	4,94%	-0,06%
Lâm nghiệp	5,07%	4,40%	6,26%
Thủy sản	3,53%	3,90%	6,44%

Nguồn: Tổng cục thống kê

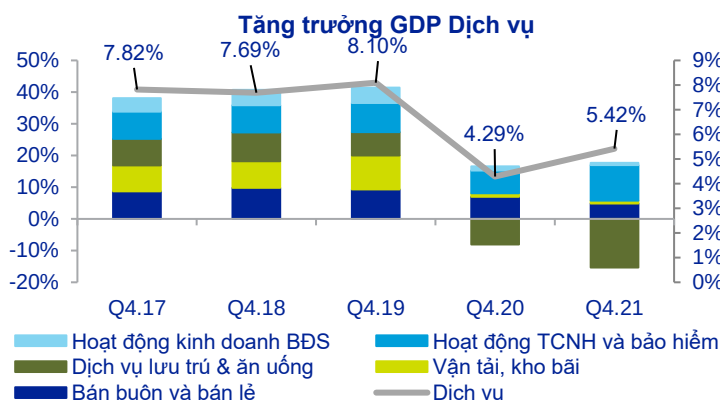
Mở cửa nền kinh tế trở lại và nới lỏng các biện pháp giãn cách xã hội cũng giúp **ngành công nghiệp và xây dựng** lấy lại đà tăng trưởng trong Q4/2021. Cụ thể, ngành này ghi nhận mức giảm 5,61% n/n trong Q4/2021 (sv. -5,49% n/n trong Q3/21 và +5,6% n/n trong Q4/20). Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, nhóm ngành dẫn dắt đà tăng trưởng của toàn ngành công nghiệp và xây dựng ghi nhận mức tăng trưởng 7,96% n/n trong Q4/2021 chủ yếu nhờ việc khởi động lại và phục hồi các hoạt động sản xuất công nghiệp sau khi chuyển từ chiến lược không-ca-COVID-19 sang chiến lược sống-chung-với-COVID-19 trong các khu vực kinh tế và công nghiệp chính (IIP ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,37% n/n trong Q4/2021). Bên cạnh đó, tốc độ tăng trưởng của ngành xây dựng cũng dần hồi phục, tăng 2,09% n/n trong Q4/2021. Ngoài ra, ngành khai khoáng tiếp tục thu hẹp, giảm 2,71% n/n trong Q4/2021.



	Q4/2021	Q4/2020	Q4/2019
Công nghiệp và Xây dựng	5,61%	5,60%	7,92%
Khai khoáng	6,52%	4,80%	7,29%
Công nghiệp	-2,71%	-6,10%	-0,90%
Xây dựng	7,96%	8,63%	11,07%

Nguồn: Tổng cục thống kê

Ngành dịch vụ cũng dần hồi sinh sau khi hoạt động giao thông vận tải vận hành bình thường trở lại và hầu hết các hoạt động dịch vụ đều được mở cửa trở lại khi các biện pháp giãn cách xã hội được nới lỏng trong Q4/2021. Cụ thể, ngành dịch vụ ghi nhận tăng trưởng 5,42% n/n trong Q4/2021 với ngành dịch vụ TCNH và Bảo hiểm tăng mạnh nhất với mức tăng 11,23% n/n trong Q4/2021. Ngược lại, ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống vẫn sụt giảm khi ghi nhận mức giảm 15,33% n/n trong Q4/2021.



	Q4/2021	Q4/2020	Q4/2019
Dịch vụ	5,42%	4,29%	8,10%
Bán buôn và bán lẻ	4,88%	6,97%	9,32%
Vận tải, kho bãi	0,86%	1,08%	10,68%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	-15,33%	-8,05%	7,40%
TCNH và Bảo hiểm	11,23%	7,21%	9,17%
Dịch vụ BĐS	0,71%	1,33%	4,87%

Nguồn: Tổng cục thống kê

Nhìn chung, GDP 2021 tăng 2,58% n/n so với cùng kỳ năm trước (sv. +2,91% trong 2020). Trong đó **ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản** tăng 2,90% n/n trong 2021 (sv. +2,68% n/n trong 2020); **ngành công nghiệp và xây dựng** ghi nhận mức tăng 4,05% n/n trong 2021 (sv. +3,98% n/n trong 2020); và **ngành dịch vụ** tăng 1,22% n/n trong 2021 (sv. +2,34% trong 2020).

NHẬN ĐỊNH:

Năm 2021 là một năm khó khăn nhất đối với Việt Nam với bùng phát dịch COVID-19 nặng nhất ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động kinh tế và xã hội của Việt Nam trong Q3/2021. May mắn thay, sau khi chính phủ chuyển sang chiến lược sống-chung-với-COVID-19 vào Q4/2021, Việt Nam đã lấy lại đà tăng trưởng và kết thúc năm 2021 với một mức tăng trưởng GDP dương. Một số thử thách mà Việt Nam gặp phải trong năm 2021 có khả năng tiếp diễn trong năm 2022. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam vẫn ghi nhận đà tăng trưởng tích cực vào năm 2022. Với các chính sách thân thiện với nhà đầu tư, môi trường kinh doanh năng động, môi trường chính trị tương đối ổn định, chi phí thấp và thị trường tiêu dùng năng động, Việt Nam tiếp tục là điểm đến đầu tư hấp dẫn đối với các doanh nghiệp nước ngoài.

Bên cạnh đó, Chính phủ đã chuẩn bị triển khai nhiều gói hỗ trợ kinh tế xã hội nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hậu dịch COVID-19. Cụ thể, Chính phủ vừa trình lên Quốc hội trong kỳ họp Quốc hội bất thường lần thứ nhất của Quốc hội khóa XV vào ngày 04/01/2022 một gói hỗ trợ tài khóa, tiền tệ ước tính khoảng 337 nghìn tỷ đồng (291 nghìn tỷ đồng cho gói hỗ trợ tài khóa và 46 nghìn tỷ đồng cho gói hỗ trợ tiền tệ), để hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội sau dịch COVID-19.

Gói hỗ trợ tài khóa tập trung vào 4 nhóm vấn đề chính (ước tính khoảng 291 nghìn tỷ đồng):

1. Mở cửa nền kinh tế gắn với đầu tư nâng cao năng lực y tế, phòng, chống dịch bệnh (60 nghìn tỷ đồng);
2. Bảo đảm an sinh xã hội và hỗ trợ việc làm (53,15 nghìn tỷ đồng);
3. Hỗ trợ phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (110 nghìn tỷ đồng);
4. Phát triển kết cấu hạ tầng, khơi thông nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển (113,85 nghìn tỷ đồng).

- Gói hỗ trợ tiền tệ (ước tính khoảng 46 nghìn tỷ đồng):

1. Khuyến khích các tổ chức tín dụng tiếp tục tiết giảm chi phí quản lý để phần đầu giảm lãi suất cho vay tối thiểu 0,5%-1% trong 2 năm;
2. Tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, miễn giảm lãi đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19;
3. Điều tiết thanh khoản phù hợp để tạo điều kiện đẩy nhanh tốc độ giải ngân cho các đối tượng thụ hưởng gói hỗ trợ lãi suất;
4. Sử dụng các nguồn tài chính hợp pháp khác để nhập khẩu vắc xin, thuốc điều trị và thiết bị, vật tư y tế phục vụ phòng, chống dịch;
5. Tiếp tục tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc cho người lao động.

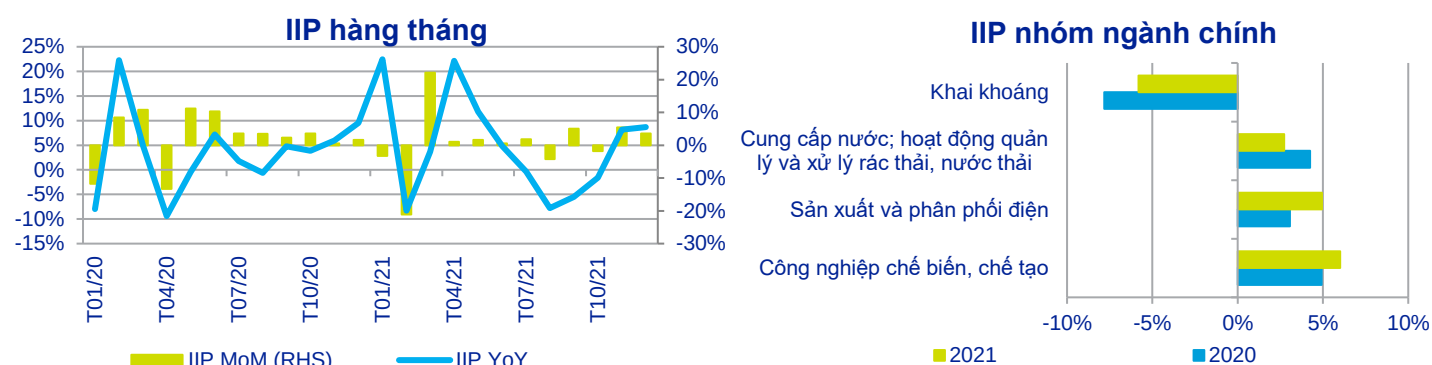
Chính phủ mong đợi gói hỗ trợ này sẽ giúp tốc độ tăng trưởng GDP tăng thêm khoảng 2,9% trong năm 2022 và 0,2% trong năm 2023, tạo điều kiện hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân 6,5-7%/năm trong giai đoạn 2021-2025, và giúp bảo đảm ổn định việc làm cũng như giữ tỉ lệ thất nghiệp ở mức ổn định khoảng 2-3%.

Bên cạnh đó, tại thời điểm 03/01/2022, Việt Nam đã cơ bản đạt miễn dịch cộng đồng đối với dịch COVID-19 với hơn 72% dân số tuổi từ 18 trở lên đã được tiêm 2 mũi vắc-xin, và khoảng 7% dân số đã được tiêm mũi thứ ba.

Với gói hỗ trợ này cùng với những dấu hiệu phục hồi tích cực về mặt kinh tế và xã hội sau 3 tháng triển khai chiến sống-chung-với-COVID-19 cùng với tỷ lệ tiêm chủng vắc-xin cao, chúng tôi kỳ vọng nền kinh tế của Việt Nam sẽ tăng trưởng tốt trong năm 2022 và chúng tôi cũng ước lượng tăng trưởng GDP cho năm 2022 sẽ rơi vào khoảng 5,9% - 6,8% n/n.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) của Việt Nam hồi phục trong Q4/2021

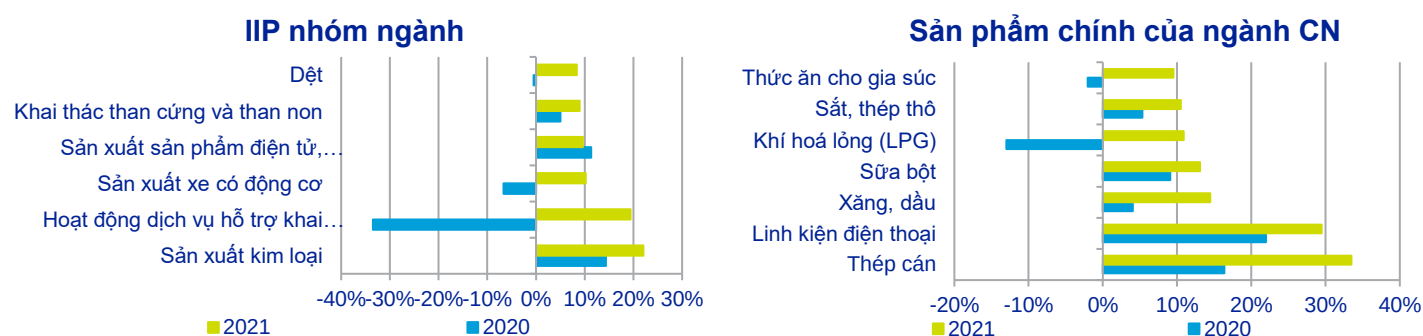


Nguồn: Tổng cục thống kê

Sau khi chuyển từ chiến lược không-ca-COVID-19 sang chiến lược sống-chung-với-COVID-19, các hoạt động sản xuất công nghiệp trong Q4/2021 phục hồi khi các hoạt động sản xuất và phân phối được khởi động trở lại và hoạt động sản xuất công nghiệp dần vận hành trở lại sau khi các biện pháp giãn cách xã hội ở các khu vực công nghiệp trọng điểm (Bình Dương, Đồng Nai và tỉnh Long An) được nới lỏng, với chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trong Q4/2021 ghi nhận tăng trưởng 6,37% n/n, dẫn dắt bởi sự tăng trưởng của IIP ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với mức tăng 7,83% n/n. IIP các ngành sản xuất và phân phối điện và IIP các ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải cũng lần lượt tăng 6,33% n/n và 0,24% n/n. Thêm vào đó, IIP các ngành khai khoáng tiếp tục giảm 3,29% n/n trong Q4/2021.

Nhìn chung, IIP 2021 tăng 4,8% n/n, dẫn dắt bởi ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với tăng trưởng 6,0% n/n; IIP các ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,9% n/n; IIP các ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,7% n/n; và IIP các ngành khai khoáng giảm 5,8%. Tăng trưởng IIP trong 2021 được đóng góp chủ yếu từ ngành sản xuất kim loại (+22,1% n/n) nhờ vào nhờ công suất sản xuất tăng tại nhà máy thép Formosa và nhà máy luyện thép Hòa Phát - Dung Quất, sản xuất xe có động cơ (+10,2% n/n), sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế (+9,6% n/n) và sản xuất dệt may (+8,3% n/n).

	Q4/2021	Q4/2020	2021	2020
IIP	6,37%	6,31%	4,76%	3,35%
Khai khoáng	-3,29%	-12,01%	-5,81%	-7,81%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	7,83%	9,04%	6,01%	4,93%
Sản xuất kim loại	9,22%	27,85%	22,07%	14,37%
Sản xuất xe có động cơ	16,15%	18,16%	10,20%	-6,69%
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	-4,59%	7,89%	9,61%	11,31%
Sản xuất dệt may	9,59%	-1,44%	8,34%	-0,47%
Sản xuất & phân phối điện	6,33%	2,54%	4,93%	3,07%
Cung cấp nước & xử lý rác thải	0,24%	6,47%	2,72%	4,25%

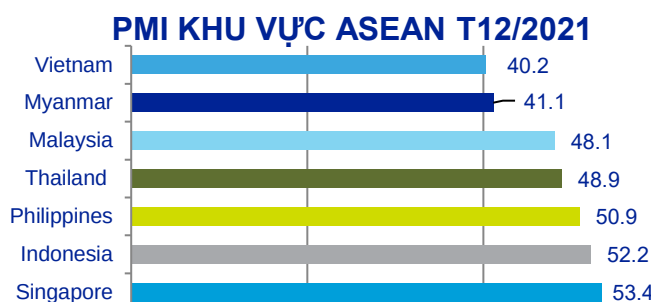
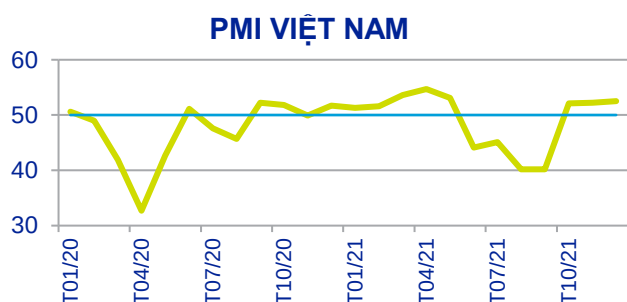


Nguồn: Tổng cục thống kê

Hoạt động sản xuất công nghiệp của Việt Nam phục hồi mạnh mẽ trong Q4/2021

Theo Nikkei Markit, chỉ số PMI T12/2021 ghi nhận mức 52,5, tiếp tục chỉ báo những dấu hiệu hồi phục của các hoạt động sản xuất công nghiệp khi đợt bùng phát dịch COVID-19 gần đây được kiểm soát và các khu vực công nghiệp lớn ở các tỉnh thành phố phía Nam (tại tỉnh Bình Dương, Đồng Nai và Long An) và khu vực phía Bắc (tại tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh) tiếp tục tái khởi động lại các hoạt động sản xuất sau 3 tháng triển khai chiến sống-chung-với-COVID-19 đã giúp các công ty sản xuất vận hành trở lại và cũng tự tin hơn về các triển vọng tăng trưởng trong tương lai. Theo báo cáo của PMI, lượng đơn đặt hàng mới tăng hỗ trợ gia tăng sản lượng sản xuất công nghiệp, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng vẫn chậm và phụ thuộc vào sự bùng phát của biến thể Omicron và sự kết thúc hoàn toàn dịch COVID-19. May mắn thay, các công ty sản xuất vẫn tự tin về các triển vọng tăng trưởng trong tương lai và kỳ vọng sản lượng sẽ phục hồi trong những năm tới khi sự bùng phát dịch COVID-19 được kiểm soát và các biện pháp giãn cách xã hội nghiêm ngặt được nới lỏng.

Chỉ số PMI của Việt Nam tăng lên vùng mở rộng (>50) trong T12/2021 cùng với Singapore, Indonesia, Malaysia và Philippines là những nước báo cáo sự suy giảm của khu vực công nghiệp trong T9/2021. Cụ thể, PMI Singapore (58), Indonesia (53,5), Malaysia (48,1), Philippines (51,8), Thailand (49,5), và Myanmar (49).



Nguồn: HIS Markit

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi chuyển sang chiến lược sống-chung-với-COVID-19, các hoạt động sản xuất công nghiệp đã có dấu hiệu hồi phục trong ba tháng liên tiếp trong Q4/2021 khi đợt bùng phát dịch COVID-19 đang được kiểm soát và các khu vực công nghiệp lớn ở các tỉnh thành phố phía Nam (tại tỉnh Bình Dương, Đồng Nai và Long An) và khu vực phía Bắc (tại tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh) tiếp tục tái khởi động lại các hoạt động sản xuất đã giúp các công ty sản xuất vận hành trở lại và cũng tự tin hơn về các triển vọng tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi kỳ vọng tốc độ tăng trưởng IIP sẽ tiếp tục phục hồi vào năm 2022 khi các hoạt động kinh tế toàn cầu tiếp tục phục hồi và trở lại trạng thái bình thường. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng kỳ vọng nhu cầu toàn cầu sẽ gia tăng khi nền kinh tế toàn cầu dần hồi phục sau khi đạt được tỷ lệ tiêm phòng vắc-xin an toàn, đây sẽ lại là một tín hiệu tích cực cho lĩnh vực sản xuất của Việt Nam, vốn phụ thuộc nhiều vào nhu cầu xuất khẩu, và do đó thúc đẩy sự phục hồi của hoạt động sản xuất và tốc độ tăng trưởng của IIP trong năm 2022.

Chúng tôi kỳ vọng rằng một số yếu tố hỗ trợ sẽ thúc đẩy lĩnh vực sản xuất công nghiệp của Việt Nam vào năm 2022 như:

1. Các nhà sản xuất của Việt Nam vẫn là nhà sản xuất chi phí thấp, sự ổn định của nền kinh tế vĩ mô và với chi phí lao động cạnh tranh so với nhiều nước trong khu vực vẫn hấp dẫn các doanh nghiệp đầu tư và thành lập nhà máy sản xuất;
2. Chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc vẫn đang tiếp diễn và đẩy mạnh làn sóng đa dạng hóa hoạt động sản xuất của các công ty đa quốc gia sang các khu vực khác của châu Á (bao gồm cả Việt Nam) vẫn đang tiếp tục diễn ra không chỉ để giảm thiểu tác động của cuộc chiến thương mại mà còn để cắt giảm chi phí sản xuất;
3. Việt Nam, với một danh sách dài các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) đã đạt được cho đến nay như Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Thương mại Tự do Anh - Việt (UKVFTA), và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) cũng nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam với tư cách là một trung tâm sản xuất xuất khẩu chi phí thấp; và
4. Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 57/2021/NĐ-CP (Nghị định 57)*, ngày 4/6/2021 Ưu đãi thuế TNDN với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển có liên quan đến cung cấp nguyên liệu, phụ tùng, linh kiện cho các ngành sản xuất công nghiệp. Ưu đãi thuế mới dự kiến sẽ thu hút nhiều nhà đầu tư hơn và tăng cường khả năng cạnh tranh của Việt Nam với tư cách là một trung tâm sản xuất chi phí thấp.

Tuy nhiên, một số vài thách thức mà ngành sản xuất công nghiệp của Việt Nam có thể phải đối mặt trong năm 2022:

1. Lực lượng lao động của Việt Nam vẫn còn nhỏ so với Trung Quốc, số lượng lao động của Việt Nam ít hơn 14 lần so với Trung Quốc (lực lượng lao động của chúng ta xấp xỉ 56 triệu người);
2. Thiếu lao động và thiếu lao động có trình độ chuyên môn cao trong các ngành cụ thể như ngành CNTT; và
3. Một đợt bùng phát COVID-19 lớn khác gây gián đoạn sản xuất và phân phối.

* Nghị định số 57/2021/NĐ-CP (Nghị định 57) bổ sung Nghị định số 218/2013/NĐ-CP về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án sản xuất công nghiệp hỗ trợ liên quan đến cung cấp nguyên liệu, phụ tùng, linh kiện các ngành sản xuất công nghiệp như ngành điện tử, ngành cơ khí chế tạo, ngành dệt may, ngành da giày, ngành công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp ô tô. Ngoài ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức cao nhất (miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo và ưu đãi thuế suất 10% trong vòng 15 năm), Nghị định 57 còn có các ưu đãi khác như miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa để hình thành tài sản cố định, kê khai thuế GTGT hàng quý cùng với các ưu đãi khác về tín dụng đầu tư, miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Hoạt động thương mại

Tổng kim ngạch XNK của Việt Nam tiếp tục đạt kỷ lục trong năm 2021 và xuất khẩu phục hồi mạnh mẽ trong Q4/2021

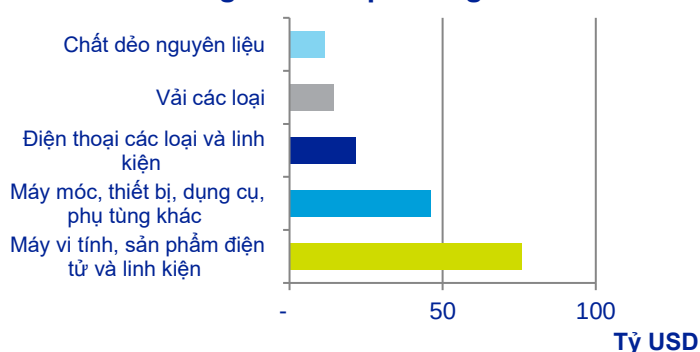
Hoạt động thương mại tiếp tục ổn định trong Q4/2021 với tổng kim ngạch XNK của Việt Nam tiếp tục đạt kỷ lục trong năm 2021 và xuất khẩu cũng hồi phục trong Q4/2021. Cụ thể, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa tăng 18,9% n/n trong Q4/2021 (sv. +5,1% n/n trong Q4/20), với xuất khẩu trong Q4/2021 đạt 95,6 tỷ USD (+19,4% n/n), trong khi nhập khẩu đạt 89,1 tỷ USD (+16% n/n). Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại tổng cộng 6,5 tỷ USD trong Q4/2021.

Nhìn chung, theo báo cáo của Tổng cục thống kê, tổng kim ngạch XNK trong 2021 đạt 668,5 tỷ USD (+22,6% n/n) với xuất khẩu đạt 336,3 tỷ USD (+19% n/n) trong khi nhập khẩu đạt 332,3 tỷ USD (+26,5% n/n). Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại tổng cộng 4 tỷ USD trong năm 2021.

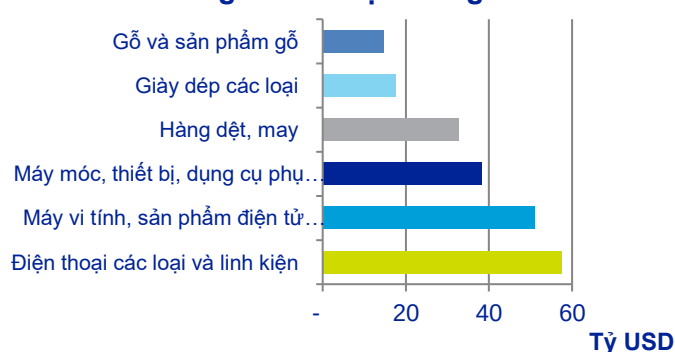
Nhóm hàng xuất khẩu chủ lực trong 2021 bao gồm điện thoại các loại và linh kiện; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác; hàng dệt may; và giày dép. Trong khi đó, nhóm hàng hóa nhập khẩu chủ lực trong 2021 gồm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác; điện thoại các loại và linh kiện; vải các loại; và chất dẻo nguyên liệu.

(Tỷ USD)	2021	2020	21 vs 20
Xuất khẩu	336,3	282,7	19,0%
Nhập khẩu	332,3	262,7	26,5%
Xuất khẩu ròng	4,0	20,0	
Nhóm hàng XK chủ lực			
Điện thoại các loại và linh kiện	57,54	51,18	12,4%
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	51,01	44,58	14,4%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	38,35	29,81	28,6%
Hàng dệt, may	32,74	27,19	20,4%
Giày dép các loại	17,61	16,79	4,9%
Nhóm hàng NK chủ lực			
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	75,94	63,97	23,3%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	46,23	37,25	35,8%
Điện thoại các loại và linh kiện	21,56	16,65	47,1%
Chất dẻo nguyên liệu	14,35	11,88	31,3%
Vải các loại	11,60	8,40	55,8%

Nhóm hàng XK chủ lực trong 2021



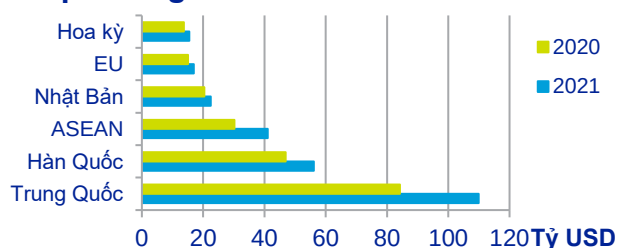
Nhóm hàng NK chủ lực trong 2021



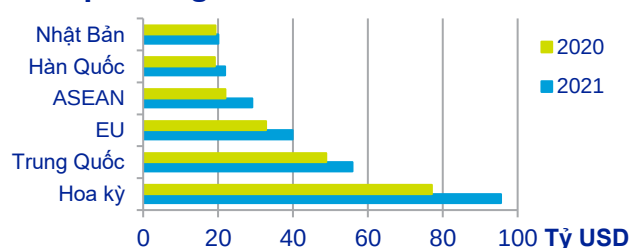
Nguồn: Hải quan Việt Nam và TCTK

Trong năm 2021, Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 95,6 tỷ USD (+24% n/n). Đối tác lớn thứ hai, Trung Quốc, ghi nhận 55,9 tỷ USD (+14,3% n/n) và đối tác lớn thứ ba EU đạt 39,9 tỷ USD (+21,5% n/n). Trong khi đó, Trung Quốc vẫn là nước nhập khẩu hàng đầu vào Việt Nam trong 2021 với kim ngạch đạt 109,9 tỷ USD (+30,5% n/n), tiếp theo là Hàn Quốc (56,1 tỷ USD, +19,6% n/n) và ASEAN (41,1 tỷ USD, +36,1% n/n).

Thị trường NK lớn nhất



Thị trường XK lớn nhất



Nguồn: Hải quan Việt Nam và TCTK

NHẬN ĐỊNH:

Xuất khẩu vẫn là động lực tăng trưởng kinh tế chính của đất nước khi các hoạt động sản xuất dần phục hồi và kim ngạch xuất khẩu dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang dần phục hồi. Chúng tôi kỳ vọng rằng các hoạt động thương mại sẽ tiếp tục gia tăng trong năm 2022 nhờ những yếu tố hỗ trợ:

- Chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc vẫn đang tiếp diễn và đẩy mạnh làn sóng đa dạng hóa hoạt động sản xuất của các công ty đa quốc gia sang các khu vực khác của châu Á (bao gồm cả Việt Nam) vẫn đang tiếp tục diễn ra không chỉ để giảm thiểu tác động của cuộc chiến thương mại mà còn để cắt giảm chi phí sản xuất; và
- Việt Nam, với một danh sách dài các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) đã đạt được cho đến nay như Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Thương mại Tự do Anh - Việt (UKVFTA), và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) cũng nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam với tư cách là một trung tâm sản xuất xuất khẩu chi phí thấp.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Dòng vốn FDI hồi phục Q4/2021 và dòng vốn FDI dự kiến tiếp tục khả quan trong năm 2022

Vốn FDI giải ngân trong Q4/2021 đạt 6,5 tỷ USD (+3,9% n/n), và tổng vốn FDI đăng ký trong Q4/2021 giảm nhẹ 4,5% so với cùng kỳ, đạt 5,3 tỷ USD. Vốn góp và mua cổ phần vẫn tăng mạnh 111% n/n, đạt 3,7 tỷ USD.

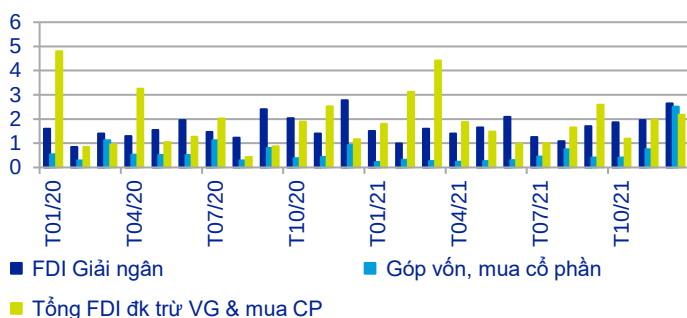
Nhìn chung, vốn FDI giải ngân trong 2021 đạt 19,7 tỷ USD (-1,2% n/n), và tổng vốn FDI đăng ký trong 2021 tăng 15,4% so với cùng kỳ, đạt 24,3 tỷ USD. Vốn góp và mua cổ phần vẫn giảm 8% n/n, đạt 6,9 tỷ USD.

Top 3 đối tác đầu tư vốn FDI vào Việt Nam trong 2021 gồm Singapore (7,3 tỷ USD), Nhật Bản (3,7 tỷ USD), và Hàn Quốc (4,4 tỷ USD).

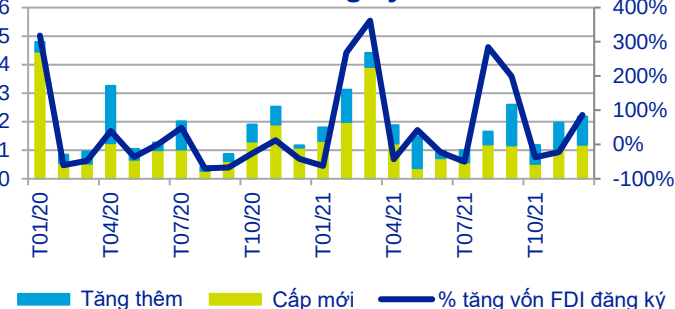
Top 3 lĩnh vực thu hút FDI gồm lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút hơn 14,6 tỷ USD vốn đăng ký trong 2021, lĩnh vực sản xuất và phân phối điện chiếm 5,6 tỷ USD và lĩnh vực bất động sản chiếm 1,6 tỷ USD.

Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút vốn FDI mạnh nhất trong năm 2021, chiếm 14,6 tỷ USD vốn đăng ký trong năm 2021 (chiếm hơn 60% tổng vốn FDI đăng ký). Lĩnh vực sản xuất phân phối điện đứng thứ hai trong năm 2021, chiếm 5,6 tỷ USD vốn đăng ký trong năm 2021 (chiếm hơn 23% tổng vốn FDI đăng ký). Và lĩnh vực bất động sản chiếm 1,6 tỷ USD (7% tổng vốn FDI đăng ký).

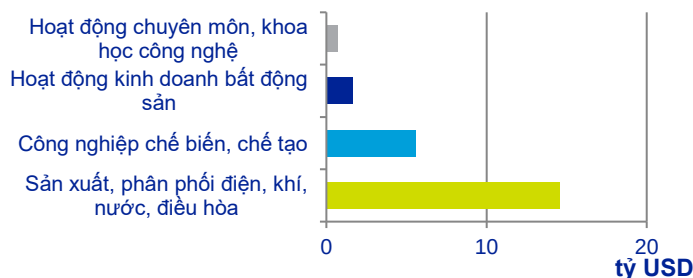
Tỷ USD FDI hàng tháng



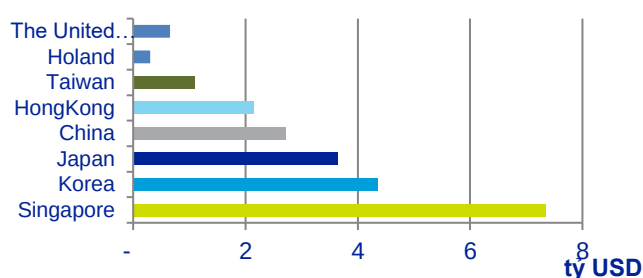
Tỷ USD FDI đăng ký



FDI nhóm ngành 2021



FDI đối tác 2021



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

NHẬN ĐỊNH:

Chúng tôi tiếp tục lạc quan về dòng vốn FDI sẽ tiếp tục đổ mạnh vào Việt Nam trong năm 2022 nhờ:

- (1) Cuộc chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc vẫn tiếp tục leo thang và đẩy mạnh làn sóng đa dạng hóa hoạt động sản xuất của các công ty đa quốc gia sang các khu vực khác của châu Á (bao gồm cả Việt Nam) vẫn đang tiếp tục diễn ra không chỉ để giảm thiểu tác động của cuộc chiến thương mại mà còn để cắt giảm chi phí sản xuất;
- (2) Việt Nam, với một danh sách dài các hiệp định thương mại tự do (FTA), tình hình vĩ mô ổn định và giá nhân công cạnh tranh hơn trong khu vực có thể trở thành địa điểm lý tưởng để các công ty dịch chuyển nhà máy của họ sang;
- (3) Các ưu đãi về pháp luật và thuế đối với các ngành công nghiệp hỗ trợ liên quan đến cung cấp nguyên liệu, phụ tùng, linh kiện cho các ngành công nghiệp sản xuất sẽ tiếp tục thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài; và
- (4) Vốn FDI đăng ký vẫn tăng mạnh trong 2021 (+15,2% n/n) trong khi đợt bùng phát dịch COVID-19 vẫn đang diễn ra và sẽ giải ngân dần khi dịch bệnh được kiểm soát.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ

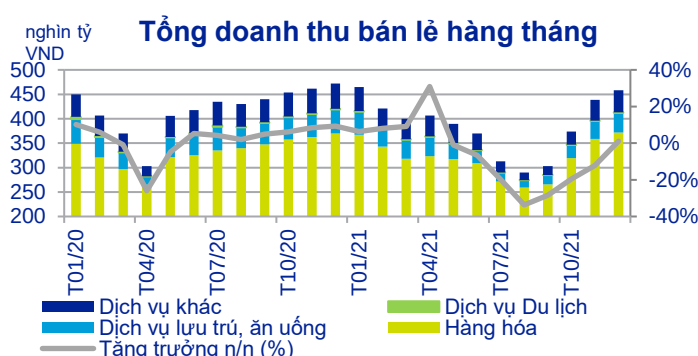
Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ phục hồi sau khi các hoạt động kinh tế được khởi động lại trong Q4/2021

Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng dần hồi phục trong Q4/2021 sau khi chính phủ chuyển sang chiến lược sống-chung-với-COVID-19. Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ Q4/2021 đạt 1.312 nghìn tỷ đồng, giảm 2,83% so với cùng kỳ (sv -19,71% n/n trong Q3/2021 và +8,04% n/n trong Q4/2020).

Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa trong Q4/2021 hồi phục khi các biện pháp giãn cách xã hội được nới lỏng tại các khu vực kinh tế trọng điểm trải khắp đất nước giúp phục hồi lực cầu nội địa và kéo doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 0,78% n/n trong Q4/2021, đạt 1.076 nghìn tỷ đồng.

Mặc dù hầu hết các hoạt động kinh doanh, thương mại và dịch vụ như trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi, nhà hàng, tiệm cắt tóc, phòng tập thể dục, và các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú đều đã được mở cửa trở lại, nhưng tổng doanh thu từ dịch vụ lưu trú và ăn uống trong Q4/2021 vẫn chưa hoàn toàn hồi phục khi nhu cầu sử dụng các dịch vụ của người dân chưa tăng trở lại do mọi người tiếp tục thắt chặt chi tiêu các dịch vụ ăn uống và giải trí bên ngoài do vẫn còn lo sợ về đợt bùng phát dịch COVID-19 mới. Doanh thu từ dịch vụ lưu trú và ăn uống ước tính đạt 107 nghìn tỷ đồng trong Q4/2021, giảm 19,84% n/n (sv. -6,16% n/n trong Q4/20).

Trong suốt Q4/2021, các dịch vụ du lịch quốc tế vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi do chính phủ Việt Nam tiếp tục sử dụng các biện pháp kiểm soát dịch bệnh nghiêm ngặt, chẳng hạn như hoãn cấp hầu hết các loại thị thực nước ngoài (số lượng khách nước ngoài đến Việt Nam trong Q4/21 đạt có 43 nghìn người - bằng 1% số lượng khách nước ngoài đến Việt Nam trong thời kỳ Q4/19 trước dịch COVID-19). Tuy nhiên, nhu cầu du lịch nội địa đã bù đắp phần nào sự suy giảm doanh thu từ dịch vụ du lịch quốc tế sau một thời gian dài "đóng băng" do các biện pháp giãn cách xã hội nghiêm ngặt do sự bùng phát dịch COVID-19, đặc biệt trong dịp lễ Giáng sinh và Tết Dương Lịch gần đây. Cụ thể, ngành dịch vụ du lịch vẫn bị ảnh hưởng nặng nề nhất với mức giảm 45,21% so với cùng kỳ năm ngoái trong Q4/2021.



	Q4/21	Q4/20	2021	2020
Tổng doanh thu bán lẻ	-2,83%	8,04%	-3,76%	2,62%
Hàng hóa	0,78%	12,46%	0,15%	6,78%
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	-19,84%	-6,16%	-19,32%	-12,97%
Dịch vụ Du lịch	-45,21%	-68,46%	-59,90%	-59,50%
Dịch vụ khác	-12,71%	-0,02%	-16,83%	-4,03%

Nguồn: Tổng cục thống kê

Nhìn chung, tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trong năm 2021 giảm 3,8% n/n, trong đó doanh số bán lẻ dịch vụ du lịch là giảm mạnh nhất, giảm hơn 60% n/n trong 2021. Doanh số bán lẻ hàng hóa, chiếm 82% tổng doanh thu bán lẻ, trong 2021 ước tính đạt 3.950 nghìn tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 0,15% n/n.

NHẬN ĐỊNH:

Chúng tôi kỳ vọng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ sẽ tiếp tục phục hồi trong năm 2022, được hỗ trợ bởi:

- Quán bar, spa, karaoke và massage tại TPHCM và nhiều tỉnh thành khác đã được cấp phép để mở cửa hoạt động trở lại khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu an toàn phòng chống dịch COVID-19 của chính phủ vào ngày 10/01/2022, bên cạnh hầu hết các hoạt động kinh doanh, thương mại và dịch vụ như trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi, nhà, tiệm cắt tóc, phòng tập thể dục, rạp chiếu phim và các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú đã được mở cửa hoạt động nếu đáp ứng các đầy đủ các yêu cầu an toàn phòng chống dịch COVID-19. Chúng tôi kỳ vọng tất cả các hoạt động kinh doanh, thương mại và dịch vụ đều hoàn toàn vận hành hoàn toàn trở lại vào năm 2022;
- Bên cạnh đó, chính phủ cũng cho khôi phục các chuyến bay quốc tế lại các chuyến bay quốc tế tới 9 địa điểm vào 01/01/2022, bao gồm Bắc Kinh/Quảng Châu (Trung Quốc), Tokyo (Nhật Bản), Seoul (Hàn Quốc), Đài Bắc (Đài Loan -

Trung Quốc), Bangkok (Thái Lan), Singapore, Vientiane (Lào), Phnom Penh (Campuchia), San Francisco/Los Angeles (Mỹ). Tính đến hết ngày 03/01/2022, 1.753 hành khách quốc tế đã tới Việt Nam trên 17 chuyến bay quốc tế;

3. Người nhập cảnh ngắn ngày với mục đích công việc ít hơn 14 ngày được miễn cách ly y tế nhưng phải tuân thủ nghiêm phòng chống COVID-19 được ban hành bởi Bộ Y tế;
4. Các yêu cầu mới về cách ly y tế * đối với người nước ngoài nhập cảnh sẽ giúp thúc đẩy du lịch quốc tế và gia tăng tăng doanh thu bán lẻ từ dịch vụ du lịch vào năm 2022.

*Bắt đầu từ 01/01/2022, Việt Nam đã giảm các yêu cầu cách ly y tế đối với những người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam đã được tiêm phòng đầy đủ. Người nước ngoài nhập cảnh đã tiêm đủ 2 liều vắc xin hoặc đã khỏi bệnh COVID-19 sẽ tự theo dõi sức khỏe tại nơi ở của mình trong 3 ngày. Hai lần thử test RT-PCR sẽ được thực hiện vào ngày đầu tiên và ngày thứ ba sau khi nhập cảnh. Nếu kết quả xét nghiệm âm tính với COVID-19 sẽ tiếp tục theo dõi sức khỏe cho đến hết 14 ngày kể từ ngày nhập cảnh.

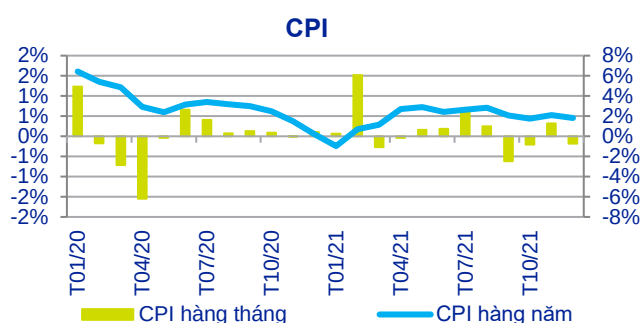
Chỉ số giá tiêu dùng

Lạm phát năm 2021 ghi nhận mức thấp kỷ lục kể từ năm 2016, và rất thấp so với mục tiêu lạm phát 4% của chính phủ

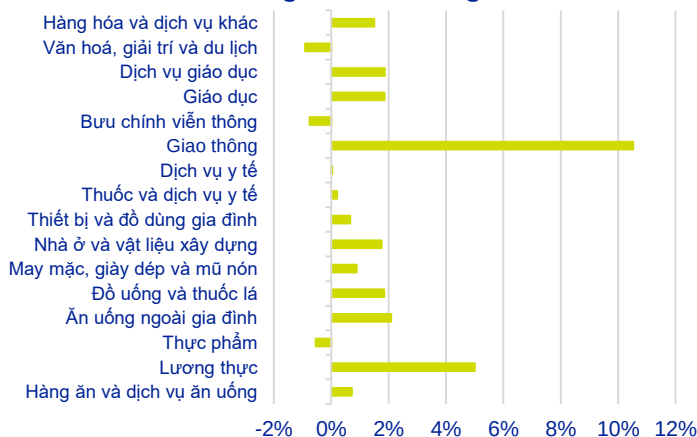
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trung bình Q4/2021 tăng 0,24% q/q và tăng 1,89% n/n. Nhìn chung, CPI trung bình trong 2021 tăng 1,84% so với trung bình năm 2020 do:

- (1) Nhóm giao thông vận tải tăng mạnh nhất với mức tăng 10,5%, chủ yếu do tác động của điều chỉnh tăng 31,7% n/n giá xăng, dầu so với năm 2020.
- (2) Nhóm giáo dục tăng 1,87% n/n, chủ yếu do tăng học phí và dịch vụ giáo dục (+1,87% n/n) cho năm học mới 2021-2022;
- (3) Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 1,75% n/n, chủ yếu do giá bán lẻ gas tăng 7% n/n và gia;
- (4) Nhóm lương thực (một nhóm thuộc nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống) cũng tăng 5,0% n/n chủ yếu do giá bán lẻ gạo tăng 5,79% n/n. Dẫn đến nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống cũng tăng gần 1% n/n trong Q4/2021.

Ngoài ra, lạm phát cơ bản trung bình 2021 tăng 0,81% n/n.



CPI trung bình nhóm ngành 2021



Nguồn: Tổng cục thống kê

NHẬN ĐỊNH:

Chúng tôi kỳ vọng lạm phát sẽ duy trì ở mức thấp trong năm 2022 nhờ các yếu tố sau:

1. Nhiều loại hàng hóa gần như đã đạt đỉnh vào năm 2021. Vì vậy, theo các chuyên gia, giá hàng hóa sẽ ổn định trở lại vào năm 2022 khi dịch COVID-19 được kiểm soát, vận chuyển dễ dàng và chuỗi cung ứng hàng hóa được vận hành bình thường.
2. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống, đặc biệt là giá lương thực, sẽ ít biến động hơn do năng suất thịt heo đã phục hồi nhờ dịch tả lợn Châu Phi đã được kiểm soát và đàn lợn của Việt Nam dần hồi phục, và nguồn cung các loại lương thực, thực phẩm khác sẽ không bị gián đoạn do thiếu cung hoặc nhu cầu đột biến tăng mạnh hoặc gián đoạn chuỗi cung ứng hoặc công suất sản xuất thấp;
3. Giá dầu dự kiến sẽ ổn định trong năm 2022 do cung và cầu sẽ ổn định, và giá xăng đã tăng gần 32% so với cùng kỳ năm 2021 và dự kiến cũng sẽ ổn định vào năm 2022. Vì vậy, theo chúng tôi, giá bán lẻ xăng dầu sẽ ổn định vào năm 2022 và không ảnh hưởng đến lĩnh vực giao thông vận tải và sẽ không gây áp lực tăng lên CPI trong năm 2022.

Nhìn chung, chúng tôi kỳ rằng CPI cho năm 2022 sẽ tăng trong khoảng 3% - 3,5% và vẫn nằm trong mục tiêu 4% của Chính phủ.

Dữ liệu kinh tế - Việt Nam

Dữ liệu hàng tháng	T01/21	T02/21	T03/21	T04/21	T05/21	T06/21	T07/21	T08/21	T09/21	T10/21	T11/21	T12/21
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) (n/n)	22,45%	-8,32%	3,86%	22,2%	11,8%	6,8%	-0,35%	-7,77%	-5,53%	-1,59%	8,15%	8,67%
<i>Khai khoáng</i>	1,98%	-12,41%	-8,56%	-0,7%	-5,9%	-4,9%	-10,92%	-2,81%	-7,10%	-7,18%	6,18%	-7,14%
<i>Chế biến, chế tạo</i>	27,15%	-7,77%	5,54%	26,4%	14,4%	8,1%	0,70%	-9,28%	-4,86%	-1,59%	8,55%	10,94%
<i>Sản xuất và phân phối điện</i>	11,00%	-9,95%	3,38%	19,8%	12,7%	8,2%	1,66%	-1,86%	-9,65%	2,36%	6,85%	9,12%
<i>Cung cấp nước, xử lý rác thải</i>	9,60%	3,72%	8,70%	11,8%	4,1%	6,0%	0,98%	-0,14%	-2,04%	1,45%	0,43%	0,77%
Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI)	51,3	51,6	53,6	54,7	53,1	44,1	45,1	40,2	40,2	52,1	52,2	52,5
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (n/n)	6,42%	8,18%	9,16%	30,92%	-1,03%	-6,65%	-19,80%	-33,70%	-28,41%	-19,52%	-12,24%	1,06%
CPI (t/t)	-0,97%	0,70%	1,15%	-0,04%	0,16%	0,19%	0,62%	0,25%	-0,62%	-0,20%	0,32%	-0,18%
CPI (n/n)	0,06%	1,52%	-0,27%	2,70%	2,90%	2,42%	2,64%	2,82%	2,06%	1,77%	2,10%	1,81%
Kim ngạch xuất khẩu (YTD) (triệu USD)	27.700	48.744	77.344	26.550	26.193	26.500	27.865	27.228	27.026	28.871	31.868	34.517
Kim ngạch nhập khẩu (YTD) (triệu USD)	26.400	47.108	75.308	27.775	28.267	27.500	29.112	27.338	26.666	26.133	30.610	31.975
Cán cân thương mại (triệu USD)	1.300	1.636	2.036	(1.225)	(2.074)	(1.000)	(1.247)	(109)	360	2.738	1.258	2.542
FDI giải ngân (triệu USD)	1.796	3.119	4.410	1.400	1.650	2.090	1.007	1.658	2.594	1.870	1.950	2.640
FDI đăng ký (triệu USD)	1.510	990	1.600	1.879	1.483	978	1.260	1.080	1.700	1.184	1.972	2.180

Dữ liệu hàng quý	Q1 2020	Q2 2020	Q3 2020	Q4 2020	Q1 2021	Q2 2021	Q3 2021	Q4 2021
GDP (n/n)	3,68%	0,39%	2,69%	4,48%	4,48%	6,61%	-6,17%	5,22%
<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	0,04%	1,80%	2,79%	4,69%	3,16%	4,11%	1,04%	3,16%
<i>Công nghiệp và xây dựng</i>	5,00%	1,69%	3,20%	5,60%	6,30%	10,28%	-5,02%	5,61%
<i>Dịch vụ</i>	3,26%	-1,93%	2,80%	4,29%	3,34%	4,30%	-9,28%	5,42%
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) (n/n)	5,6%	0,20%	1,80%	6,31%	5,70%	13,01%	-4,36%	6,37%
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (n/n)	3,20%	-5,50%	4,38%	8,04%	5,10%	5,10%	-28,27%	-2,83%
Kim ngạch xuất khẩu (YTD) (triệu USD)	61.308	122.789	202.860	281.471	77.344	157.630	240.524	336.250
Kim ngạch nhập khẩu (YTD) (triệu USD)	61.327	117.327	185.870	262.407	75.308	159.103	242.655	332.250
Cán cân thương mại (triệu USD)	(19)	5.462	16.990	19.064	2.036	(1.473)	(2.131)	4.000
FDI giải ngân (triệu USD)	6.160	3.850	4.800	5.110	4.100	5.140	5.259	6.460
FDI đăng ký (triệu USD)	6.784	6.597	5.564	3.316	9.235	4.340	4.040	5.336

Dữ liệu hàng năm	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
GDP (n/n)	5,42%	5,98%	6,68%	6,21%	6,81%	7,08%	7,02%	2,91%	2,58%
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) (n/n)	5,9%	7,6%	9,8%	7,5%	11,3%	10,2%	8,9%	3,4%	4,8%
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (n/n)	10%	12%	11%	11%	10%	11,7%	12,0%	2,62%	-2,83%
CPI (n/n)	6,6%	4,1%	0,6%	2,7%	3,5%	3,5%	2,8%	3,23%	-3,8%
Kim ngạch xuất khẩu (YTD) (triệu USD)	132.175	150.042	162.439	175.942	213.770	244.723	264.341	281.471	336.250
Kim ngạch nhập khẩu (YTD) (triệu USD)	131.312	148.058	165.609	173.262	211.096	237.512	253.919	262.407	332.250
Cán cân thương mại (triệu USD)	862	1.984	(3.170)	2.680	2.674	7.211	10.400	19.064	4.000
FDI giải ngân (tỷ USD)	11,50	12,35	14,50	15,80	17,50	19,10	20,38	19,98	19,74
FDI đăng ký (tỷ USD)	22,30	21,92	22,76	24,37	35,88	35,47	22,55	21,06	24,26

LIÊN HỆ

Trụ sở chính

41, Mạc Đĩnh Chi Q.1, TPHCM

Tel: (+84 28) 3823 4159

Fax: (+84 28) 3823 5060

Chi nhánh Hà Nội

10, Phan Chu Trinh Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (+84 24) 3942 9395

Fax: (+84 24) 3942 9407

PHÒNG PHÂN TÍCH

Phó phòng Phân tích

Nguyễn Bình Thanh Giao

(+84 28) 3823 4159 (ext: 250)

giaonbt@acbs.com.vn

CVPT – Hàng tiêu dùng, Công nghệ

Lương Thị Kim Chi

(+84 28) 3823 4159 (ext: 327)

chiltk@acbs.com.vn

CVPT – Hàng tiêu dùng, Truyền thông

Trần Nhật Trung

(+84 28) 3823 4159 (ext: 351)

trungtn@acbs.com.vn

NVPT – Vật liệu xây dựng

Huỳnh Anh Huy

(+84 28) 3823 4159 (ext: 325)

huyha@acbs.com.vn

CVPT – Bất động sản

Phạm Thái Thanh Trúc

(+84 28) 3823 4159 (ext: 303)

trucptt@acbs.com.vn

CVPT- Dầu khí

Phan Việt Hưng

(+84 28) 3823 4159 (ext: 354)

hungpv@acbs.com.vn

NVPT – Vĩ mô

Trịnh Viết Hoàng Minh

(+84 28) 3823 4159 (ext: 352)

minhtvh@acbs.com.vn

CVPT – Tài chính ngân hàng

Cao Việt Hùng, CFA

(+8428) 3823 4159 (ext: 326)

hungcv@acbs.com.vn

NVPT – Công nghiệp

Trần Trí An Phúc

(+8428) 3823 4159 (ext: 325)

phuctta@acbs.com.vn

NVPT – PTKT

Lương Duy Phước

(+84 28) 3823 4159 (ext: 354)

phuocld@acbs.com.vn

KHOİ KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ

Giám đốc Khối Khách hàng Định chế

Tyler Cheung

(+84 28) 38 234 876

tyler@acbs.com.vn

Trưởng bộ phận -

GDKHĐC

Chu Thị Kim Hương

(+84 28) 3824 6679

huongctk@acbs.com.vn

Chuyên viên GDKHĐC

Trần Thị Thanh

(+84 28) 3824 7677

thanhtt@acbs.com.vn

Chuyên viên GDKHĐC

Chu Thị Minh Phương

(+84 28) 3823 4159 (ext:357)

phuongctm@acbs.com.vn

Nhân viên GDKHĐC

Lý Ngọc Dung

(+84 28) 3823 4159 (ext: 313)

dungln.hso@acbs.com.vn

NV Hỗ trợ khách hàng

Lê Nguyễn Tiến Thành

(+84 28) 3823 4798

thanhln@acbs.com.vn

Nhân viên GDKHĐC

Nguyễn Phương Nhi

(+84 28) 3823 4159 (ext:315)

nhinp@acbs.com.vn

KHUYẾN CÁO

Xác Nhận Của Chuyên Viên Phân Tích

Chúng tôi, các tác giả của bản báo cáo phân tích này, xác nhận rằng (1) các quan điểm được trình bày trong bản báo cáo phân tích này là của chúng tôi (2) chúng tôi không nhận được bất kỳ khoản thu nhập nào, trực tiếp hoặc gián tiếp, từ các khuyến nghị hoặc quan điểm được trình bày ở đó.

Công Bố Thông Tin Quan Trọng

ACBS và các tổ chức có liên quan của ACBS (sau đây gọi chung là ACBS) đã có hoặc sẽ tiến hành các giao dịch theo giấy phép kinh doanh của ACBS với các công ty được trình bày trong bản báo cáo phân tích này. Danh mục đầu tư trên tài khoản tự doanh chứng khoán của ACBS cũng có thể có chứng khoán do các công ty này phát hành. Vì vậy nhà đầu tư nên lưu ý rằng ACBS có thể có xung đột lợi ích ở bất kỳ thời điểm nào. ACBS phát hành nhiều loại báo cáo phân tích, bao gồm nhưng không giới hạn ở phân tích cơ bản, phân tích cổ phiếu, phân tích định lượng hoặc phân tích xu hướng thị trường. Các khuyến nghị trên mỗi loại báo cáo phân tích có thể khác nhau, nguyên nhân xuất phát từ sự khác biệt về thời hạn đầu tư, phương pháp phân tích áp dụng và các nguyên nhân khác.

Tuyên Bố Miễn Trách Nhiệm

Bản báo cáo phân tích này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, ACBS không cung cấp bất kỳ bảo đảm rõ ràng hay ngụ ý nào và không chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các thông tin chứa đựng trong báo cáo cho một mục đích sử dụng cụ thể. ACBS sẽ không xem những người nhận báo cáo, không nhận trực tiếp từ ACBS, là khách hàng của ACBS. Giá chứng khoán được trình bày trong kết luận của báo cáo (nếu có) chỉ mang tính tham khảo. ACBS không đề nghị hoặc khuyến khích nhà đầu tư tiến hành mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào dựa trên báo cáo này. **ACBS, các tổ chức liên quan của ACBS, ban quản lý, đối tác hoặc nhân viên của ACBS sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ (a) các thiệt hại trực tiếp, gián tiếp; hoặc (b) các khoản tổn thất do mất lợi nhuận, doanh thu, cơ hội kinh doanh hoặc các khoản tổn thất khác, kể cả khi ACBS đã được thông báo về khả năng xảy ra thiệt hại hoặc tổn thất đó, phát sinh từ việc sử dụng bản báo cáo phân tích này hoặc thông tin trong đó.** Ngoài các thông tin liên quan đến ACBS, các thông tin khác trong bản báo cáo này được thu thập từ các nguồn mà ACBS cho rằng đáng tin cậy, tuy nhiên ACBS không bảo đảm tính đầy đủ và chính xác của các thông tin đó. Các quan điểm trong báo cáo có thể bị thay đổi bất kỳ lúc nào và ACBS không có nghĩa vụ cập nhật các thông tin và quan điểm đã bị thay đổi đó cho nhà đầu tư đã nhận báo cáo này.

Bản báo cáo có chứa đựng các giả định, quan điểm của chuyên viên phân tích, tác giả của báo cáo, ACBS không chịu trách nhiệm cho bất kỳ sai sót nào của họ phát sinh trong quá trình lập báo cáo, đưa ra các giả định, quan điểm. Trong tương lai, ACBS có thể sẽ phát hành các bản báo cáo có thông tin mâu thuẫn hoặc thậm chí có nội dung kết luận đi ngược lại hoàn toàn với bản báo cáo này. Các khuyến nghị trong bản báo cáo này hoàn toàn là của riêng chuyên viên phân tích, các khuyến nghị đó không được đưa ra dựa trên các lợi ích của bất kỳ cá nhân tổ chức nào, kể cả lợi ích của ACBS. Bản báo cáo này không nhằm đưa ra các lời khuyên đầu tư cụ thể, cũng như không xem xét đến tình hình và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư nào, những người nhận bản báo cáo này. Vì vậy các chứng khoán được trình bày trong bản báo cáo có thể không phù hợp với nhà đầu tư. ACBS khuyến nghị rằng nhà đầu tư nên tự thực hiện đánh giá độc lập và tham khảo thêm ý kiến chuyên gia khi tiến hành đầu tư. Giá trị và thu nhập đem lại từ các khoản đầu tư có thể thay đổi hàng ngày tùy theo thay đổi của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Các kết luận trong báo cáo không nhằm tiên đoán thực tế do đó nó có thể khác xa so với thực tế, kết quả đầu tư của quá khứ không bảo đảm cho kết quả đầu tư của tương lai.

Bản báo cáo này có thể không được phát hành rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng hay được sử dụng, trích dẫn bởi các phương tiện thông tin đại chúng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của ACBS. Việc sử dụng không có sự đồng ý của ACBS sẽ bị xem là bất hợp pháp và cá nhân, tổ chức vi phạm có nghĩa vụ bồi thường mọi thiệt hại, tổn thất (nếu có) đã gây ra cho ACBS từ sự vi phạm đó.

Trong trường hợp quốc gia của nhà đầu tư nghiêm cấm việc phân phối hoặc nhận các báo cáo phân tích như thế này thì nhà đầu tư cần hủy bản báo cáo này ngay lập tức, nếu không nhà đầu tư sẽ hoàn toàn tự chịu trách nhiệm.

ACBS không cung cấp dịch vụ tư vấn thuế và không nội dung nào trong bản báo cáo này được xem như có nội dung tư vấn thuế. Do đó khi liên quan đến vấn đề thuế, nhà đầu tư cần tham khảo ý kiến của chuyên gia dựa trên tình hình và điều kiện tài chính cụ thể của nhà đầu tư.

Bản báo cáo này có thể chứa đựng các đường dẫn đến trang web của bên thứ ba, ACBS không chịu trách nhiệm đối với nội dung trên các trang web này. Việc đưa đường dẫn chỉ nhằm mục đích tạo sự thuận tiện cho nhà đầu tư trong việc tra cứu thông tin; do đó nhà đầu tư hoàn toàn chịu các rủi ro khi truy cập các trang web này.

© Copyright ACBS (2022). Mọi quyền sở hữu trí tuệ và quyền tác giả là của ACBS và/hoặc chuyên viên phân tích, Bản báo cáo phân tích này không được phép sao chép, toàn bộ hoặc một phần, khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của ACBS.